TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/01/2024
"*V/v ly hôn và con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Giao.

2. Bà Tống Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 859/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐH-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T – Sinh năm 1978 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số G đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy L – Sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số G đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày có nội dung như sau:

Tôi (Phạm Văn T) và bà Nguyễn Thị Thùy L tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/10/2007.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó, khoảng 02 năm gần đây thì tôi và bà Nguyễn Thị Thùy L phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau. Do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà L về nhà mẹ đẻ sinh sống, và vợ chồng mỗi người có cuộc sống riêng, không có quan tâm, không có tình cảm gì với nhau.

Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L.

Về con chung: Tôi và bà Nguyễn Thị Thùy L có hai con chung là cháu Phạm Ngọc A – Sinh ngày 21/8/2009 và cháu Phạm Gia B – Sinh ngày 01/01/2013. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Gia B cho đến tuổi trưởng thành, còn cháu Ngọc A sẽ do mẹ cháu (bà Nguyễn Thị Thùy L) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà Nguyễn Thị Thùy L tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Thùy L không tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T. Chấp nhận ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L.

Về con chung: Chấp nhận giao con chung là cháu Phạm Ngọc A – Sinh ngày 21/8/2009 cho bà Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến

tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), và giao con chung cháu Phạm Gia B – Sinh ngày 01/01/2013 cho ông Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Phạm Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L, có địa chỉ cư trú tại số G đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy L đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/10/2007. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông Phạm Văn T trình bày là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống, vợ chồng không còn tình cảm và mỗi người có một cuộc sống riêng. Vì vậy, ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L .

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy L hiện sinh sống tại số G đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải mâu thuẫn nên chính quyền địa phương không nắm được tình trạng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy L. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn T theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị Thùy L đến Tòa án để làm việc nhưng bà Nguyễn Thị Thùy L không đến Tòa án làm việc, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn, Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy L là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy L có hai con chung là cháu Phạm Ngọc A – Sinh ngày 21/8/2009 và cháu Phạm Gia B – Sinh ngày 01/01/2013. Ông Phạm Văn T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Gia B cho đến tuổi trưởng thành, con cháu Phạm Ngọc A sẽ do bà Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của ông Phạm Văn T về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của các con chung thể hiện tại các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, cần giao cháu Phạm Ngọc A cho bà Nguyễn Thị Thùy L, và giao cháu Phạm Gia B cho ông Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn T đối với bà Nguyễn Thị Thùy L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L.

Về con chung:

Giao con chung cháu Phạm Ngọc A – Sinh ngày 21/8/2009 cho bà Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao con chung cháu Phạm Gia B – Sinh ngày 01/01/2013 cho ông Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0004819 ngày 19 tháng 10 năm 2023 (do Trần Tuấn A1 nộp thay).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường T, TP.BMT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương